

28. Xã Măng Ri

Đvt: Nghìn đồng/m²

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
I	Khu vực 1:				
1	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ ngã ba thôn Đăk PRÉ, Kô Xia 2 đến hết trụ sở Đảng uỷ xã Măng Ri	1	100	40	30
2	Đất mặt tiền các đường nội bộ thuộc trung tâm cụm trụ sở UBND xã	5	80	32	24
3	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cầu Ngọc Lây Quốc lộ 40B đến ngã ba Đăk PRÉ, Kô Xia 2	6	75	30	23
4	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ hết trụ sở Đảng uỷ xã Măng Ri đến hết ranh giới xã Măng Ri	6	75	30	23
5	Đất mặt tiền đường Tỉnh lộ 672 đoạn từ cầu Đăk Psi đến Trường tiểu học thôn Đăk Viên	6	75	30	23
II	Khu vực 2:				
1	Đất mặt tiền đường Tỉnh lộ 672 đoạn từ ranh giới giáp xã Tu Mơ Rông đến giáp cầu Đăk Psi	2	55	22	17
2	Đất mặt tiền đường Tỉnh lộ 672 đoạn từ Trường tiểu học thôn Đăk Viên đến ranh giới thôn Đăk Đơn	2	55	22	17
3	Đất mặt tiền đường Tỉnh lộ 672 đoạn từ giáp đất thôn Đăk Đơn đến ngã ba đường Ngọc Hoàng - Măng Bút-Tu Mơ Rông-Ngọc Linh (quán Khải Hà)	2	55	22	17
4	Đất mặt tiền đường đoạn từ ngã ba đường Ngọc Hoàng - Măng Bút-Tu Mơ Rông-Ngọc Linh (quán Khải Hà) đến trường TH-THCS Măng Ri	2	55	22	17
5	Đất mặt tiền đường đoạn từ trường THCS Ngọc Yêu đến hết đất trường mầm non Ngọc Yêu	2	55	22	17
6	Đất mặt tiền đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh	2	55	22	17
7	Đất mặt tiền đường Tu Mơ Rông - Ngọc Yêu	3	50	20	15
8	Đất mặt tiền đường đoạn từ hết đất trường mầm non Ngọc Yêu đến hết đất thôn Long Láy 1	3	50	20	15
9	Đường liên thôn về làng Tân Ba (cũ)	3	50	20	15
10	Đường trục thôn khu tái định cư thôn Tân Ba	4	45	18	14
11	Đường nội thôn Đăk Viên	4	45	18	14
12	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Viên	4	45	18	14
13	Đường nội thôn Tu Thố	4	45	18	14
14	Đất mặt tiền đường đoạn từ cầu treo đi khu sản xuất thôn Tu Thố	4	45	18	14
15	Đất mặt tiền đường đoạn từ giáp ranh giới đầu thôn Tam Rìn đến trường THCS Ngọc Yêu	4	45	18	14
16	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Viên	5	40	16	12
17	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Sông	5	40	16	12
18	Đường đi khu sản xuất Tê Ưu thôn Đăk Sông	5	40	16	12

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
19	Các vị trí đất khác còn lại	6	35	14	11
III	Khu vực 3: (Không có)				
IV	Khu vực 4: (Không có)				
V	Khu vực 5: (Không có)				
VI	Khu vực 6: (Không có)				